

Bản án số: 107/2022/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi; Bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2022/TLST-HS, ngày 13 tháng 9 năm 2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên **Lê Văn T**, sinh năm 1977.

Nơi thường trú: Xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân B (đã chết) và bà Dương Thị N, sinh năm 1946; Vợ: Dương Thị N, sinh năm 1981 và có 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2011); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 04; Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2022 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Dương Trung K, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Anh Trần văn T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/6/2022 tại khu vực xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Công an xã T, huyện P đã phát hiện bắt quả tang Lê Văn T, sinh năm 1977, trú tại xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khi được tổ công tác yêu cầu T đã tự giác giao nộp cho tổ công tác 02 gói giấy một mặt màu vàng một mặt màu trắng có chứa chất bột màu trắng đang cầm trên tay trái, T khai là ma túy loại Heroine mua về để sử dụng cho bản thân, ngoài ra T còn giao nộp cho Công an một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng, một xi lanh nhựa đã qua sử dụng và 80.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Công an xã T đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tiến hành niêm phong đồ vật thu giữ được và đưa Lê Văn T bàn giao cùng hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện P để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Văn T thuộc xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, nhưng không phát hiện thu giữ được gì.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định trọng lượng và lấy mẫu giám định đối với số chất màu trắng thu giữ được của Lê Văn T xác định được tổng trọng lượng số chất bột màu trắng trong 02 gói giấy là 0,291g (không phải hai trăm chín mươi một gam).

Tại bản kết luận giám định số 898/KL- KTHS ngày 26/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số chất bột dạng cục màu trắng

trong bì thư ký hiệu A1 gửi đi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,291 gam

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T khai nhận: do bản thân nghiện chất ma túy nên khoảng 09 giờ 00 phút ngày 18/6/2022 đã từ nhà tại xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đi nhờ xe người đi đường đến khu vực đảo tròn Gang Thép, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để tìm mua ma túy. Tại đây, T đã mua được của một người đàn ông lạ mặt được 02 gói ma túy với giá 200.000 đồng rồi cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc trên người và tiếp tục bắt xe đi nhờ người lạ quay về đến khu vực xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, T đang định sử dụng chất ma túy thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Cáo trạng số 106/CT-VKSPB ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố Lê Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Văn T từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng phạt bổ sung do bị cáo là người nghiện ma túy, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu A1 bên ngoài có chữ “Hoàn trả 0,281 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao mẫu A1; 01 phong bì niêm phong ký hiệu B có chứa 01 xi lanh nhựa đã qua sử dụng.

- Tạm giữ 01 phong bì niêm phong ký hiệu D1 bên ngoài có chữ “Điện thoại di động Samsung Galaxy A10, màu xanh đen cũ và 80.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bị cáo T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai đó có căn cứ và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/6/2022, tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Lê Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy loại Heroine có khối lượng 0,291 gam với mục đích để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 898/KL- KTHS ngày 26/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số chất bột dạng cục màu trắng trong bì thư ký hiệu A1 gửi đi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,291 gam.

Hành vi của bị cáo Lê Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự xã hội ở địa phương, còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm khác... Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo với một mức án nghiêm minh và cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu A1 bên ngoài có chữ “Hoàn trả 0,281 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao mẫu A1; 01 phong bì

niêm phong ký hiệu B có chứa 01 xi lanh nhựa đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 phong bì niêm phong ký hiệu D1 bên ngoài có chữ “Điện thoại di động Samsung Galaxy A10, màu xanh đen cũ và 80.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bị cáo T không dùng vào việc phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên trong lời luận tội về tội danh, về hình phạt, về án phí và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Lê Văn T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2022.

3. Ra quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn T với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu A1 ngoài bì thư có ghi hoàn trả 0,281 gam ma túy còn lại sau giám định và

vỏ bao mẫu A1; 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu B ngoài bì thư có ghi 01 kim tiêm.

- Tạm giữ 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu D1 ngoài bì thư có ghi điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh đen cũ đã qua sử dụng và 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng) của bị cáo T để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng và ủy nhiệm chi ngày 19/9/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

5. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo Lê Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung

